

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2019/HS-PT**

Ngày: 03 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2018/TLPT-HS ngày 18/12/2018 đối với bị cáo: Hoàng Xuân T về tội “Mua bán người”; “Mua bán trẻ em”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hoàng Xuân T – sinh ngày 09 tháng 6 năm 1981, tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn C, thị trấn T4, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Xuân T5 và con bà Bùi Thị T6; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh H3 và có 01 con sinh năm 2009; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Lạng Sơn bắt theo lệnh truy nã số 16 ngày 23/7/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đắk Nông ngày 21/10/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Nông trong một vụ án khác. Vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư **Lê Công T6** –Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Chị **C**, sinh ngày 15/6/1999; trú tại: N, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Chị **H** (tên gọi khác **H1**), sinh ngày 17/11/2001; trú tại: Buôn M, phường E1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại H: Bà **H2**, sinh năm: 1958 (bà ngoại của bị hại); trú tại: Buôn M, phường E1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 03/2017, Lê Thị Kim D liên lạc nhờ Hoàng Xuân T đưa sang Trung Quốc bán cho đàn ông Trung Quốc để lấy tiền, thì T đồng ý. Sau đó, D lại nói cho chị C (*tên gọi khác: V, sinh ngày 15/6/1999, trú tại N, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk*) và cháu H (*tên gọi khác: H1 và Th, sinh ngày 17/11/2001, trú tại buôn M, phường E1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk*) biết và rủ họ cùng đi đi sang Trung Quốc để T bán lấy tiền thì C và H đồng ý. D liên lạc với T nói C và H cùng đi thì T nói cứ rủ họ đi, mọi chi phí ăn uống và đi lại T sẽ lo hết. Sau đó, T liên hệ trao đổi với một người phụ nữ tên Lan (*chưa rõ nhân thân, lai lịch ở Trung Quốc*) nói có 03 phụ nữ muốn sang Trung Quốc lấy chồng và hai bên thỏa thuận mỗi trường hợp được người đàn ông Trung Quốc mua về làm vợ thì Lan sẽ đưa cho T 55.000.000 đồng để đưa cho người bị bán là 30.000.000 đồng, T được hưởng 7.000.000 đồng, số còn lại để T chi phí đi lại, ăn uống và đưa người từ Việt Nam sang Trung Quốc. Sau khi được T đồng ý, D nói lại với C và H là đi sang Trung Quốc nếu ai lấy được chồng thì sẽ nhận được 30.000.000 đồng. Đến sáng ngày 17/03/2017, D đưa C và H đến bến xe liên tỉnh Đắk Lắk đón xe đi thành phố Hà Nội để gặp T và sau đó cả ba được T đón về tỉnh Hưng Yên. Thời điểm này, T liên hệ rủ Nguyễn Ngọc T1 đi sang Trung Quốc cùng với T, thì T1 đồng ý. Sau đó, T1 đi máy bay từ thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Hà Nội cùng với một người phụ nữ tên Hiền (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*). Đến sân bay Nội Bài, T1 và Hiền được một người tên Cảnh (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) đón và giúp bắt xe ô tô đi tỉnh Lạng Sơn để gặp T. Còn T, D, C và H cũng đi từ tỉnh Hưng Yên đến tỉnh Lạng Sơn. Đến nơi, T, D, C, H, T1, Hiền gặp nhau tại một ngôi nhà thuộc tỉnh Lạng Sơn giáp với biên giới Trung Quốc. Sau đó, T đưa mọi người thông qua đường tiểu ngạch vượt biên đến tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Đến nơi, Hiền đi đâu không rõ, còn T, T1, D, C và H ở lại phòng trọ do T thuê. Sau đó, T bảo T1 giúp T lần lượt đưa D, H và C đến nhà bà mối tên Lan (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) để bán cho đàn ông Trung Quốc mua về làm vợ bất hợp pháp. Đối với trường hợp của D và C, thì T không trực tiếp dẫn đi mà bảo T1 đưa đi theo sự sắp xếp của T, còn trường hợp của H thì T và T1 cũng dẫn đi. Việc thanh toán tiền mua bán đối với trường hợp của D và H là do T trực tiếp liên hệ với bà Lan để nhận tiền. Riêng đối với

trường hợp của C, thì T1 là người trực tiếp nhận 2,5 vạn nhân dân tệ từ người đàn ông Trung Quốc mua C rồi về đưa cho T để đưa cho bà Lan. Sau khi người đàn ông Trung Quốc mua D, C và H thì T được bà Lan đưa cho tổng cộng là 165.000.000 đồng (*mỗi trường hợp là 55.000.000 đồng*), trong đó để T đưa lại cho người bán mỗi người 30.000.000 đồng, T được hưởng 21.000.000 đồng, số còn lại để T chi phí việc đi lại và đưa người từ Việt Nam sang Trung Quốc. Sau khi giúp T đưa D, C và H đến nhà bà Lan thì T1 ở lại Trung Quốc cùng với T thêm mấy ngày rồi trở về Việt Nam và khi về T đưa cho T1 số tiền 1.600.000 đồng.

Sau khi bị bán được khoảng 01 tháng, D và H bỏ trốn thì được T đón về Việt Nam. Khi về Việt Nam, T đưa cho H 30.000.000 đồng và D 10.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H cho D mượn 14.000.000 đồng, số còn lại đã sử dụng hết, còn D gửi hết số tiền này về cho mẹ là bà Nguyễn Thị Kim T2. T đã gửi cho bà Trần Thị Tám là mẹ của C 10.000.000 đồng và đến ngày 09/5/2017, D nhận thêm 15.000.000 đồng từ T rồi đến quán cà phê TT, thuộc phường E1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk đưa số tiền này cho bà Tám, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt giữ. Đến ngày 10/5/2017, C bỏ trốn khỏi nhà người đàn ông Trung Quốc đã mua về và sau đó được T đưa về Việt Nam. Khi về Việt Nam, T đưa thêm cho C 5.000.000 đồng và C đã tiêu xài hết số tiền này.

Tại thời điểm ngày 17/3/2017 thì C mới 17 tuổi 09 tháng 02 ngày, còn H mới 15 tuổi 04 tháng 00 ngày.

Đối với hành vi: “Mua bán người”, “Mua bán trẻ em” của Lê Thị Kim D, và Nguyễn Ngọc T1 đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và bản án hình sự phúc thẩm số 141/2018/HS-PT ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Xuân T phạm tội: “*Mua bán người*” và tội “*Mua bán trẻ em*”.

Áp dụng các điểm đ, e khoản 2 Điều 119 và điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41 của Quốc hội khóa 14, khoản 3 Điều 7; các điểm d, đ khoản 2 Điều 150 và điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Hoàng Xuân T 08 (tám) năm tù về tội “*Mua bán người*” và 13 (mười ba) năm tù về tội “*Mua bán trẻ em*”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 21 (hai mươi một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần án phí; quyền kháng cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/10/2018, bị cáo Hoàng Xuân T kháng cáo (đã được Toà án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng cáo quá hạn theo quyết định số 24/2018/HSPT ngày 30/11/2018), với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm huỷ án vì có bị hại Vũ Thị Kim D trong vụ án này do Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử, hai Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Đắk Nông cùng xét xử là bất lợi cho bị cáo; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm án cho bị cáo vì có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm và tổng hợp hình phạt với Bản án phúc thẩm số 32/2019/HS-PT ngày 21/01/2019 của Toà án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với hành vi và tội danh như cấp sơ thẩm xét xử với bị cáo là đúng, hành vi phạm tội rõ ràng chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả trang tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo vắng mặt nhưng xét thấy việc xét xử không gây bất lợi cho bị cáo, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự như đề nghị của Luật sư và Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo vắng mặt nhưng quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và đủ căn cứ kết luận: Khoảng giữa tháng 3/2017, Hoàng Xuân T cùng Lê Thị Kim D và Nguyễn Ngọc Th1 đưa Lê Thị Kim D (sinh năm 1996), C (sinh ngày 15/6/1999) và H (sinh 17/11/2001) sang trung Quốc bán cho đàn ông Trung Quốc để hưởng hoa hồng. Đến ngày 17/3/2017 thì C mới 17 tuổi 9 tháng 2 ngày; H mới 15 tuổi 4 tháng. Với hành vi phạm tội đó, Toà án cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội “Mua bán người” và tội “Mua bán trẻ em” theo quy định tại các điểm đ, e khoản 2 Điều 119 và điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 của Quốc Hội khoá 14, khoản 3 Điều 7; các điểm d, đ khoản 2 Điều 150 và điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo cho rằng trong vụ án này có chị Vũ Thị Kim D là bị hại trong vụ án mà Tòa án nhân dân hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk

Nông khởi tố đối với tôi là rất nặng, tách ra để xét xử ở hai tỉnh là bất lợi cho bị cáo, đề nghị huỷ án để gộp lại xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã có văn bản số 1005/CV-CQĐT-PC45 (BL33) gửi cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông về việc nhập vụ án nhưng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông trả lời đã kết luận điều tra vụ án và đề nghị truy tố các bị cáo (trong đó có bị cáo Hoàng Xuân T là bị can trong vụ án do cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố bị can) trong vụ mua bán người và mua bán trẻ em tại Đắk Nông và Lạng Sơn (BL34). Mặt khác, Tại bản án sơ thẩm xác định bị hại trong vụ án này là chị C, cháu H, không có chị Vũ Thị Kim D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử trên cơ sở kết quả điều tra và truy tố của Viện kiểm sát tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn, nhân viên lái xe. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư có xuất trình tài liệu chứng minh gia đình bị cáo có công với cách mạng, do đó cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Đề nghị của Luật sư về việc giảm hình phạt cho bị cáo được hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại bản án số 32/2019/HS-PT ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt bị cáo Hoàng Xuân T 20 (hai mươi) năm tù. Do đó cần tổng hợp hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 56; Điều 87 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tổng hợp của hai bản án.

[6] Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Xuân T, sửa bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ các điểm đ, e khoản 2 Điều 119 và điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41 của Quốc Hội khoá 14, khoản 3 Điều 7; các điểm d, đ khoản 2 Điều 150 và điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt : Bị cáo **Hoàng Xuân T 8 (tám) năm tù** về tội “Mua bán người” và **12 (mười hai) năm tù** về tội “Mua bán trẻ em”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là **20 (hai mươi) năm tù**. Tổng hợp với hình phạt 20 (hai mươi) năm tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 32/2019/HS-PT ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Hoàng Xuân T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **30 (ba mươi) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 10 năm 2017.

2. Bị cáo Hoàng Xuân T không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Cường